

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Thực hiện Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

- Phát triển giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt, hiện đại, hiệu quả, hội nhập, chú trọng cả quy mô, cơ cấu, chất lượng đào tạo; quan tâm đầu tư, đẩy mạnh liên kết với các tỉnh và hợp tác quốc tế để phát triển các ngành, nghề đào tạo đạt trình độ của khu vực, tiến tới trình độ ASEAN.

- Phát triển giáo dục nghề nghiệp bám sát nhu cầu của thị trường lao động gắn kết với việc làm thỏa đáng, an sinh xã hội và phát triển bền vững, bao trùm; phát huy tối đa năng lực, phẩm chất của người học; thúc đẩy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

- Phát triển nguồn nhân lực có trình độ và tay nghề cao, phục vụ cho yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, nhất là các ngành nghề đào tạo phục vụ cho việc phát triển các lĩnh vực như: nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp chế biến nông lâm sản, công nghiệp năng lượng tái tạo và du lịch đã được đề ra tại Nghị quyết số 03-NQ/ĐH ngày 01/10/2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Gia Lai lần XVI, nhiệm kỳ 2020- 2025.

2. Yêu cầu

- Phát triển giáo dục nghề nghiệp là trách nhiệm của các cấp, các ngành, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và người dân; được chú trọng trong các kế hoạch, chương trình, đề án, dự án phát triển ngành, địa phương.

- Bám sát các văn bản hướng dẫn của các bộ, ngành để xây dựng các chương trình, kế hoạch thực hiện, đảm bảo kịp thời triển khai chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển giáo dục nghề nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị

trường lao động, của người dân và yêu cầu ngày càng cao về số lượng, cơ cấu, chất lượng nhân lực có kỹ năng nghề cho phát triển địa phương trong từng giai đoạn.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2025

Bảo đảm quy mô, cơ cấu ngành, nghề đào tạo cho phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội địa phương; chất lượng đào tạo của một số trường tiếp cận trình độ quốc gia; góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 65 % (trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 20%).

Một số chỉ tiêu chủ yếu:

- Thu hút từ 40-45% học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở và trung học phổ thông vào hệ thống giáo dục nghề nghiệp; học sinh, sinh viên nữ đạt trên 30% trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh mới.
- Đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho khoảng 25% lực lượng lao động.
- Tỷ lệ lao động là người dân tộc thiểu số qua đào tạo nghề nghiệp đạt 45%.
- Tỷ lệ lao động là người khuyết tật còn khả năng lao động được học nghề phù hợp đạt 10%.
- Tỷ lệ lao động có các kỹ năng công nghệ thông tin đạt 80%.
- Ít nhất 30% cơ sở giáo dục nghề nghiệp và 50% chương trình đào tạo các ngành, nghề trọng điểm đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng.
- Phấn đấu 100% nhà giáo đạt chuẩn; khoảng 80% cán bộ quản lý được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng quản lý - quản trị hiện đại.
- Phấn đấu khoảng 80% ngành, nghề đào tạo được xây dựng, cập nhật chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia.
- Phấn đấu xây dựng Trường Cao đẳng Gia Lai trở thành Trường chất lượng cao.

b) Đến năm 2030

Tập trung nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục nghề nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực có kỹ năng nghề quốc gia; Có công nghiệp hiện đại; chủ động tham gia vào thị trường đào tạo nhân lực quốc gia; trong đó một số nghề tiếp cận trình độ các nước trong khu vực ASEAN; góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 73 % (trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 25%).

Một số chỉ tiêu chủ yếu:

- Thu hút 50-55% học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở và trung học phổ thông vào hệ thống giáo dục nghề nghiệp; học sinh, sinh viên nữ đạt trên 40% trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh mới.
- Đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho khoảng 50% lực lượng lao động.
- Tỷ lệ lao động là người dân tộc thiểu số qua đào tạo nghề nghiệp đạt 50%.

- Tỷ lệ lao động là người khuyết tật còn khả năng lao động được học nghề phù hợp đạt 15%.

- Tỷ lệ lao động có các kỹ năng công nghệ thông tin đạt 90%.

- Ít nhất 70% cơ sở giáo dục nghề nghiệp và 100% chương trình đào tạo các ngành, nghề trọng điểm đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng.

- Phân đầu 100% nhà giáo đạt chuẩn; khoảng 90% cán bộ quản lý được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng quản lý - quản trị hiện đại.

- Phân đầu khoảng 90% ngành, nghề đào tạo được xây dựng, cập nhật chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia.

- Phân đầu trường Cao đẳng Gia Lai trở thành trường chất lượng cao, bước đầu tiếp cận trình độ các nước ASEAN; có khoảng 8-10 ngành nghề trọng điểm, trong đó có 1 - 2 ngành nghề có năng lực cạnh tranh trong nước về chất lượng đào tạo.

c) Tầm nhìn đến năm 2045

Giáo dục nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu nhân lực có kỹ năng nghề cao của; trở thành địa phương phát triển về giáo dục nghề nghiệp trong khu vực ASEAN, bắt kịp trình độ tiên tiến của thế giới, có năng lực cạnh tranh vượt trội ở một số lĩnh vực, ngành, nghề đào tạo.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Để đạt được các mục tiêu Kế hoạch, cần thực hiện đồng bộ các nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu, trong đó “Đẩy nhanh chuyển đổi số, hiện đại hóa cơ sở vật chất thiết bị và đổi mới chương trình, phương thức đào tạo” và “Phát triển đội ngũ nhà giáo, nghệ nhân, chuyên gia, người dạy nghề và cán bộ quản lý trong giáo dục nghề nghiệp” là giải pháp đột phá. Cụ thể:

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp

- Thu hút, tuyển dụng cán bộ quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp, chú trọng phát triển đội ngũ cán bộ quản lý về giáo dục nghề nghiệp ở vùng đặc khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số đồng thời bảo đảm yếu tố bình đẳng giới.

- Khuyến khích các nhà đầu tư, doanh nghiệp, người sử dụng lao động tích cực tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp và phát triển kỹ năng nghề, chú trọng đào tạo nghề tại nơi làm việc; đặc biệt tập trung đào tạo các ngành, nghề ở các lĩnh vực du lịch, nông nghiệp, công nghiệp chế biến và công nghiệp tái tạo....

- Triển khai các chính sách tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ, tôn vinh đối với nhà giáo, nghệ nhân, chuyên gia, người dạy nghề trong giáo dục nghề nghiệp, bảo đảm yếu tố bình đẳng giới. Thực hiện chính sách ưu đãi đối với nhà giáo giảng dạy trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp vùng khó khăn. Thực hiện khuyến khích và cơ chế mở, linh hoạt để thu hút, đào tạo, bồi dưỡng nhà khoa học, cán bộ kỹ thuật, nghệ nhân, người có kỹ năng nghề cao và kinh nghiệm thực tiễn nghề nghiệp tham gia đào tạo nghề.

- Triển khai các chính sách khi có hướng dẫn của trung ương như: thu hút người học các trình độ giáo dục nghề nghiệp thuộc lĩnh vực, ngành, nghề trọng điểm; ngành, nghề nặng nhọc, độc hại, sức khỏe...; chính sách đối với người học thuộc các đối tượng đặc thù như người khuyết tật, chính sách đối với người học thuộc các đối tượng đặc thù như người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, lao động nông thôn, lao động nữ, lao động di cư, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, bộ đội xuất ngũ...; chính sách về bình đẳng giới trong giáo dục nghề nghiệp; chính sách hỗ trợ vay vốn khởi nghiệp cho học sinh, sinh viên và người lao động qua đào tạo nghề nghiệp.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động tự do, người lao động thất nghiệp hoặc có nguy cơ thất nghiệp do tác động của cách mạng công nghiệp, thiên tai, dịch bệnh...được tham gia học nghề.

- Tiếp tục rà soát, thực hiện các giải pháp nhằm đẩy mạnh phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và trung học phổ thông vào giáo dục nghề nghiệp và từng bước phổ cập nghề cho thanh niên theo Kế hoạch số 2134/KH-UBND ngày 26/9/2019 của UBND tỉnh về thực hiện Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông” trên địa bàn tỉnh Gia Lai, giai đoạn 2019 – 2025.

- Ưu tiên, khuyến khích đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp được công nhận là trường chất lượng cao; Từng bước tiếp cận chuẩn đào tạo chất lượng cao đối với 1 số ngành/ngành trọng điểm.

- Sắp xếp, tổ chức mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt, hiện đại, dễ tiếp cận, đa dạng về loại hình, hình thức tổ chức, phân bổ hợp lý về cơ cấu ngành nghề, cơ cấu trình độ. Khuyến khích phát triển cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, có vốn đầu tư nước ngoài, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong doanh nghiệp.

- Nâng cao trách nhiệm, tạo động lực và tính tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình, phát huy vai trò người đứng đầu trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ quan quản lý các cấp. Nghiên cứu áp dụng khung bảo đảm chất lượng chất lượng giáo dục nghề nghiệp quốc gia, chương trình đào tạo thuộc các lĩnh vực, ngành, nghề đặc thù..

2. Đẩy nhanh chuyển đổi số, hiện đại hóa cơ sở vật chất thiết bị và đổi mới chương trình, phương thức đào tạo

a) Đẩy nhanh chuyển đổi số

- Nâng cao năng lực chuyển đổi số của các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Phát triển đồng bộ hạ tầng số bao gồm hạ tầng dữ liệu, hạ tầng kỹ thuật của các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở tỉnh, địa phương và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Phát triển và hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu

đồng bộ với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác góp phần hình thành cơ sở dữ liệu mở.

- Xây dựng các nền tảng số có khả năng triển khai dùng chung và hỗ trợ dạy học trực tuyến các cấp độ trong giáo dục nghề nghiệp. Thực hiện chính sách khuyến khích các doanh nghiệp công nghệ số đầu tư phát triển các nền tảng số.

- Đầu tư nâng cấp các phòng thí nghiệm, xưởng thực hành ảo, thiết bị ảo, thiết bị tăng cường ở những ngành, nghề phù hợp.

- Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp mở thêm chuyên ngành đào tạo hoặc cập nhật, bổ sung nội dung đào tạo về chuyển đổi số trong lĩnh vực, ngành, nghề của mình.

b) Hiện đại hóa cơ sở vật chất thiết bị

Hiện đại hóa cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, phù hợp với công nghệ sản xuất của doanh nghiệp, định hướng phân tầng chất lượng và đặc thù các ngành, nghề đào tạo. Tăng cường gắn kết với doanh nghiệp để khai thác, sử dụng thiết bị đào tạo tại doanh nghiệp. Phát triển mô hình “nhà trường thông minh, hiện đại”, “nhà trường xanh”.

c) Đổi mới chương trình, phương thức đào tạo

- Cập nhật, thực hiện đổi mới quy trình, phương pháp phát triển chương trình đào tạo theo hướng mở, linh hoạt, liên thông dựa trên mô đun, tín chỉ và các quy đổi tương đương, đáp ứng chuẩn đầu ra và khối lượng học tập tối thiểu. Phát triển chương trình đào tạo các ngành, nghề mới, ngành, nghề công nghệ thông tin, ứng dụng công nghệ mới, kỹ năng tương lai và các chương trình đào tạo cho người lao động trong các doanh nghiệp theo hình thức vừa làm vừa học ở trình độ trung cấp, cao đẳng.

- Ưu tiên phát triển các ngành nghề đào tạo phục vụ cho việc phát triển các lĩnh vực như: nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp chế biến nông lâm sản, công nghiệp năng lượng tái tạo và du lịch đã được đề ra tại Nghị quyết số 03-NQ/ĐH ngày 01/10/2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Gia Lai lần XVI, nhiệm kỳ 2020- 2025.

- Xây dựng các chương trình đào tạo kỹ năng nghề, kỹ năng ứng xử, trình độ ngoại ngữ, thái độ lịch sự, văn minh cho cán bộ quản lý và lao động trực tiếp trong lĩnh vực dịch vụ du lịch; quan tâm đào tạo, bồi dưỡng nghề du lịch và giải quyết việc làm cho con em đồng bào dân tộc thiểu số khi tham gia vào hoạt động du lịch. Nghiên cứu, xây dựng chương trình đào tạo nghề phù hợp với các dạng tật của người khuyết tật.

- Đổi mới chương trình đào tạo đối với các ngành công nghệ, kỹ thuật, ứng dụng công nghệ. Chuẩn hóa các chuyên ngành đào tạo gắn với nghề nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế.

- Khuyến khích, tạo điều kiện phát triển các chương trình liên kết đào tạo với các cơ sở đào tạo chất lượng cao, các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh.

- Đa dạng hóa phương thức tổ chức đào tạo với sự ứng dụng mạnh mẽ của công nghệ thông tin. Chú trọng phát triển học nghề tại nơi làm việc; chú trọng đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho người lao động, đào tạo cho lao động. Đẩy mạnh triển khai liên kết nhà trường và doanh nghiệp.

- Đổi mới, đa dạng phương thức kiểm tra, đánh giá, có sự tham gia và thừa nhận của người sử dụng lao động. Triển khai công nhận kỹ năng, trình độ của người học, người lao động đã tích lũy từ học tập và kinh nghiệm làm việc thực tế ở trong và ngoài nước.

- Giáo dục toàn diện, chú trọng đến phát triển phẩm chất, bình đẳng giới, hình thành các kỹ năng cốt lõi, kỹ năng mềm, kỹ năng số, trình độ ngoại ngữ và cá thể hóa người học.

3. Phát triển đội ngũ nhà giáo, nghệ nhân, chuyên gia, người dạy nghề và cán bộ quản lý trong giáo dục nghề nghiệp

a) Phát triển đội ngũ nhà giáo, nghệ nhân, chuyên gia, người dạy nghề

- Chuẩn hóa nhà giáo, chú trọng kinh nghiệm thực tiễn và năng lực nghề nghiệp trong kỹ nguyên số, phương pháp dạy học hiện đại cùng kỹ năng mềm, kỹ năng số, thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp. Thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng năng lực chuyên môn, năng lực sư phạm cho nhà giáo.

- Đổi mới, nâng cao chất lượng, đa dạng hoá các chương trình, phương thức tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho nhà giáo. Đào tạo, bồi dưỡng tại các trường chất lượng cao, các trung tâm đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao trong nước và nước ngoài đối với nhà giáo giảng dạy các ngành nghề trọng điểm.

- Phát triển mạnh đội ngũ nghệ nhân, chuyên gia, người dạy nghề đủ năng lực tham gia đào tạo các cấp trình độ của giáo dục nghề nghiệp.

- Triển khai hiệu quả các cộng đồng, mạng lưới kết nối đội ngũ nhà giáo, nghệ nhân, chuyên gia và người dạy nghề trong giáo dục nghề nghiệp.

- Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn đội ngũ giáo viên dạy nghề và tư vấn học nghề cho người khuyết tật để tiếp cận các nội dung, phương pháp, công nghệ mới trong công tác đào tạo nghề cho người khuyết tật.

b) Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp

- Chuẩn hóa cán bộ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng chú trọng kỹ năng quản lý - quản trị hiện đại, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, trình độ ngoại ngữ. Phát triển và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm định, bảo đảm chất lượng

- Thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cán bộ quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp các cấp, đặc biệt ở cấp địa phương. Hỗ trợ, khuyến khích phát triển đội ngũ cán bộ quản lý đào tạo tại doanh nghiệp.

4. Gắn kết chặt chẽ giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp và thị trường lao động

- Đẩy mạnh cơ chế hợp tác giữa Nhà nước, Nhà trường, Nhà doanh nghiệp, người sử dụng lao động, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp trong các hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên cơ sở hài hòa lợi ích và trách nhiệm xã hội.

- Xây dựng các mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất - kinh doanh và thị trường lao động theo từng vùng, địa phương. Đẩy mạnh hỗ trợ kỹ thuật cho doanh nghiệp, người sử dụng lao động thông qua nâng cao năng lực, phát triển các quy trình, công cụ thu thập, cập nhật và tổng hợp dữ liệu, thông tin về cung, cầu đào tạo nghề nghiệp.

- Khai thác hiệu quả dữ liệu, thông tin thị trường lao động quốc gia kết hợp với điều tra định kỳ hoặc đột xuất về nhu cầu lao động, nhu cầu kỹ năng, nhu cầu đào tạo của doanh nghiệp, người sử dụng lao động và phản hồi của người tốt nghiệp phục vụ quản lý và đào tạo.

- Tăng cường gắn kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các trung tâm dịch vụ việc làm, sàn giao dịch việc làm, hội chợ việc làm, trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; hỗ trợ người học tìm việc làm sau tốt nghiệp; gắn kết đào tạo với việc đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Khuyến khích doanh nghiệp trực tiếp đào tạo nghề để tuyển dụng người khuyết tật vào làm việc hoặc ký kết hợp đồng bao tiêu sản phẩm do người khuyết tật sản xuất; Tăng cường quan hệ phối hợp trong các hoạt động trợ giúp người khuyết tật, cơ sở đào tạo tổ chức đào tạo kết hợp với doanh nghiệp tổ chức việc làm cho người khuyết tật sau khi học xong theo hợp đồng giữa cơ sở đào tạo với doanh nghiệp.

5. Nghiên cứu ứng dụng khoa học và chuyển giao công nghệ; hướng nghiệp, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo

- Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo về nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, tư vấn hướng nghiệp, khởi nghiệp và các tổ chức khoa học - công nghệ về giáo dục nghề nghiệp. Khuyến khích hình thành các trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao.

- Tăng cường nghiên cứu khoa học giáo dục nghề nghiệp theo hướng ứng dụng và chuyển giao công nghệ với sự tham gia của người học, nhà giáo, chuyên gia, nghệ nhân, người sử dụng lao động. Gắn hoạt động đào tạo với chuyển giao công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. Đẩy mạnh thực hiện nghiên cứu khoa học theo cơ chế đặt hàng; gắn kết các tổ chức nghiên cứu khoa học với nhà trường và doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh hướng nghiệp trước, trong và sau đào tạo nghề nghiệp; thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo cho người học và các hoạt động hỗ trợ người học khởi nghiệp, tự tạo việc làm; xây dựng không gian khởi nghiệp, đổi

mới sáng tạo trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và hệ sinh thái khởi nghiệp giáo dục nghề nghiệp tại các địa phương.

6. Tăng cường huy động và nâng cao hiệu quả đầu tư tài chính cho giáo dục nghề nghiệp

- Tăng ngân sách nhà nước cho giáo dục nghề nghiệp hàng năm. Ưu tiên phân bổ ngân sách cho giáo dục nghề nghiệp trong các chương trình, dự án của địa phương.

- Đa dạng hóa nguồn lực đầu tư cho giáo dục nghề nghiệp, khuyến khích khu vực tư nhân tham gia giáo dục nghề nghiệp. Thúc đẩy sự hỗ trợ, tài trợ của các nước phát triển, các tổ chức quốc tế đầu tư cho giáo dục nghề nghiệp.

- Đẩy mạnh tự chủ đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập. Tăng cường nguồn thu sự nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động liên doanh liên kết và cho thuê tài sản công theo quy định của pháp luật.

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ cho các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp để tăng cường các điều kiện bảo đảm chất lượng, nâng cao chất lượng đào tạo đồng thời hỗ trợ trực tiếp cho người nghèo, đối tượng chính sách khi sử dụng dịch vụ giáo dục nghề nghiệp; chuyển từ hỗ trợ theo cơ chế cấp phát bình quân sang cơ chế Nhà nước đầu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công căn cứ vào chất lượng và số lượng đầu ra.

7. Truyền thông, nâng cao hình ảnh, thương hiệu và giá trị xã hội của giáo dục nghề nghiệp

- Hình thành hệ sinh thái truyền thông giáo dục nghề nghiệp với sự tham gia của hệ thống chính trị, chính quyền các cấp, cơ sở đào tạo, người học, người sử dụng lao động và cộng đồng xã hội nhằm nâng cao nhận thức của xã hội về vị trí, vai trò của giáo dục nghề nghiệp, tầm quan trọng của kỹ năng lao động và cơ hội có việc làm, thu nhập ổn định sau đào tạo nghề nghiệp.

- Hình thành đội ngũ làm công tác truyền thông về giáo dục nghề nghiệp, nâng cao năng lực cho các cán bộ truyền thông trong cơ quan quản lý nhà nước và cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Đa dạng hoá các hoạt động truyền thông và hình thức triển khai, xây dựng chuyên trang, chuyên mục, kênh, sóng riêng về giáo dục nghề nghiệp, phát thanh tại khu vực nông thôn, bảo đảm thông tin tin cậy, đầy đủ, kịp thời, phù hợp với từng nhóm đối tượng về hình ảnh, vị thế, thông điệp quốc gia về giáo dục nghề nghiệp, ngày kỹ năng lao động Việt Nam, tuần lễ kỹ năng nghề... Tăng cường tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về giáo dục nghề nghiệp.

- Tổ chức các chương trình, sự kiện, cuộc thi, giải thưởng, danh hiệu nhằm tôn vinh người học, nhà giáo, người dạy nghề, cán bộ quản lý, người sử dụng lao động, lao động có kỹ năng, các tổ chức có nhiều thành tích, đóng góp cho hoạt động giáo dục nghề nghiệp và phát triển kỹ năng nghề.

- Xây dựng chương trình truyền thông địa phương chia sẻ thành công của những người tốt nghiệp các trình độ giáo dục nghề nghiệp, các mô hình đổi mới, sáng tạo, khởi nghiệp thành công trong giáo dục nghề nghiệp.

- Chủ động tham gia, định hướng các mạng xã hội về giáo dục nghề nghiệp bảo đảm thống nhất, tạo môi trường số kết nối, chia sẻ giữa cơ quan quản lý, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đơn vị sử dụng lao động, gia đình, nhà giáo, người học; hình thành mạng xã hội giáo dục nghề nghiệp mở.

8. Chủ động và nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế về giáo dục nghề nghiệp

- Tích cực tham gia các cuộc thi, tổ chức, diễn đàn về giáo dục nghề nghiệp.

- Chủ động tiếp cận và tham gia các hoạt động hợp tác, truyền thông về lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các tổ chức trong nước với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các tổ chức quốc tế do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, các cơ quan đơn vị tổ chức, triển khai.

- Đa dạng hóa các hoạt động giao lưu văn hoá, thể dục thể thao giữa học sinh, sinh viên các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong khu vực và quốc tế.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch bao gồm:

1. Nguồn ngân sách nhà nước cấp hằng năm theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Nguồn vốn lồng ghép trong các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, kế hoạch, dự án khác.

3. Nguồn vốn vay ưu đãi nước ngoài, vốn ODA.

4. Nguồn thu từ học phí và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

5. Huy động của các tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước và các quỹ hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì triển khai thực hiện Kế hoạch; phối hợp với các sở ngành, cơ quan có liên quan cụ thể hóa thành Kế hoạch, nhiệm vụ 05 năm, hằng năm.

- Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 2222/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển thị trường lao động đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh theo Quyết định 176/QĐ-TTg ngày 5/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tăng cường gắn kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp và trung tâm dịch vụ việc làm, sàn giao dịch việc làm, hội chợ việc làm; hỗ trợ người học tìm việc làm sau tốt nghiệp; gắn kết đào tạo với việc đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, giám sát, đánh giá việc triển khai Kế hoạch. Đánh giá sơ kết 05 năm, tổng kết 10 năm về tình hình thực hiện Kế hoạch, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các sở, ngành liên quan tham mưu, triển khai các chính sách đẩy mạnh phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và trung học phổ thông vào giáo dục nghề nghiệp. Tiếp tục khai thực hiện có hiệu quả, đảm bảo các mục tiêu, chỉ tiêu theo Kế hoạch số 2134/KH-UBND ngày 26/9/2019 của UBND tỉnh về thực hiện Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông” trên địa bàn tỉnh Gia Lai, giai đoạn 2019 – 2025; Tăng cường chỉ đạo thực hiện tốt công tác tư vấn hướng nghiệp tại các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì bố trí vốn đầu tư phát triển thực hiện Kế hoạch theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ngành liên quan triển khai, thực hiện các chính sách thu hút đầu tư cho giáo dục nghề nghiệp, huy động và cân đối nguồn lực, bố trí vốn đầu tư cho phát triển giáo dục nghề nghiệp.

4. Sở Tài chính

Hàng năm, trên cơ sở dự toán của các cơ quan, đơn vị liên quan gửi Sở Tài chính đúng quy định, Sở Tài chính phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kiểm tra, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí sự nghiệp từ ngân sách trung ương và ngân sách địa phương để thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch phù hợp với khả năng cân đối ngân sách, đúng quy định pháp luật về phân cấp ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

5. Ban Dân tộc tỉnh

Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trong việc tuyên truyền, kiểm tra, giám sát thực hiện Tiểu dự án 3 của Dự án 5 thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; cụ thể hóa các nội dung Chiến lược để thực hiện lồng ghép vào Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh.

6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trong việc tuyên truyền, kiểm tra, giám sát thực hiện giáo dục nghề nghiệp cho lao động nông thôn; cụ thể hóa các nội dung trong Chiến lược phát triển giáo dục nghề

ng nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 để thực hiện lồng ghép vào các nội dung, kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

- Đào tạo nghề cho lao động nông nghiệp, nông thôn gắn với nhu cầu của thị trường, doanh nghiệp, hợp tác xã, đáp ứng yêu cầu của quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế khu vực nông thôn. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý ngành nông nghiệp chuyên nghiệp, hiệu lực, hiệu quả củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức khai thác công trình thủy lợi, tổ chức thủy lợi cơ sở theo Quyết định số 874/QĐ-UBND ngày 09/12/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025. Đồng thời bám sát dung chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 544/UBND-NL ngày 23/3/2022 về việc triển khai công tác đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn.

7. Sở Thông tin và Truyền thông

- Phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị, địa phương có liên quan chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí hoạt động trên địa bàn tỉnh và hệ thống thông tin cơ sở, thông tin, tuyên truyền theo Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh; chú trọng tuyên truyền về giáo dục nghề nghiệp để người dân biết, tham gia các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương triển khai các giải pháp nâng cao nhận thức và hành động của lãnh đạo, công chức, viên chức, người lao động của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp để thúc đẩy thực hiện chuyển đổi số; Phổ cập kỹ năng số cho các đối tượng tham gia vào quá trình chuyển đổi số quốc gia; Nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số trong từng ngành, từng lĩnh vực, từng địa phương theo Kế hoạch số 555/KH-UBND ngày 24/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Đề án “*Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*” trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

8. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các sở, ngành liên quan đề xuất các chương trình, đề án, hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp đối với giáo dục nghề nghiệp; Triển khai hiệu quả Đề án “*Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025*” trên địa bàn tỉnh Gia Lai theo Quyết định số 663/QĐ-UBND ngày 5/10/2021 của UBND tỉnh.

9. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương đẩy mạnh việc giới thiệu, kêu gọi các nhà đầu tư trong và ngoài nước, các nhà tài trợ đầu tư vào các dự án cơ sở hạ tầng; vận động, thu hút các nguồn lực, tập trung ở khu vực tư nhân để đầu tư vào các khu, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh theo Chương trình số 43-

CTr/TU ngày 26/6/2017 của Tỉnh ủy Gia Lai thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn và Kế hoạch số 380/KH-UBND ngày 29/6/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch phát triển du lịch tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021 – 2025.

10. Đài Phát thanh - Truyền hình Gia Lai, Báo Gia Lai

Thực hiện tuyên truyền về giáo dục nghề nghiệp và phát triển kỹ năng. Tăng cường thời lượng, chất lượng tin bài tuyên truyền về giáo dục nghề nghiệp.

11. Hội Khuyến học tỉnh

Cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch vào kế hoạch triển khai Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”.

12. Đề nghị Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam tỉnh

- Cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch vào kế hoạch triển khai Chiến lược phát triển thanh niên tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2030.

- Thực hiện tuyên truyền cho thanh niên về vị trí, vai trò của giáo dục nghề nghiệp, tầm quan trọng của kỹ năng lao động và cơ hội có việc làm, thu nhập ổn định sau đào tạo nghề nghiệp.

13. Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh; Ủy ban Hội doanh nhân trẻ tỉnh; Liên minh Hợp tác xã

- Tuyên truyền, phổ biến đến hội viên về nội dung Kế hoạch này và nội dung Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 10 năm 2045 theo Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Hằng năm, đề xuất yêu cầu, nhu cầu về nhân lực có kỹ năng nghề đối với các loại hình doanh nghiệp.

- Huy động thành viên tích cực triển khai thực hiện Kế hoạch, tham gia tích cực vào việc hỗ trợ nâng cao kỹ năng nghề cho lao động người lao động

14. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố

- Xây dựng các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án, nhiệm vụ 05 năm và hằng năm để phát triển giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý; đồng thời bố trí kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật về phân cấp ngân sách nhà nước.

- Chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo đẩy mạnh công tác giáo dục hướng nghiệp, phân luồng học sinh đạt chỉ tiêu được quy định tại Quyết định số 522/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định 2134/QĐ-UBND ngày 26/9/2019 của UBND tỉnh.

- Tuyên truyền rộng rãi các chương trình đào tạo nghề, học nghề, việc làm để người khuyết tật có thêm thông tin và cơ hội tiếp cận các chính sách. Hàng năm điều tra, khảo sát nhu cầu học nghề và việc làm của người khuyết tật;

nhu cầu tuyển dụng lao động, các vị trí việc làm phù hợp với nhu cầu và sức khỏe của người khuyết tật trong các cơ quan, doanh nghiệp tại địa phương để tham mưu đề xuất với các cấp lãnh đạo xây dựng, bổ sung hoàn thiện các chính sách trợ giúp, hỗ trợ người khuyết tật.

- Tuyên truyền, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chương trình, dự án, tiểu dự án trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

15. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp

- Tăng cường công tác tư vấn, tuyển sinh; có cơ chế thu hút học sinh, chú trọng chỉ tiêu đào tạo cho đối tượng học sinh đã tốt nghiệp THCS và tốt nghiệp THPT góp phần thực hiện công tác phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông, đặc biệt quan tâm tuyển sinh tại vùng khó khăn, vùng đông học sinh dân tộc thiểu số và các trường THCS dân tộc nội trú, bán trú.

- Tập trung đào tạo các ngành, nghề thị trường lao động có nhu cầu; các ngành, nghề thuộc ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh như: du lịch, nông nghiệp, công nghiệp chế biến và công nghiệp năng lượng tái tạo...

- Rà soát các nhóm ngành, nghề đào tạo bảo đảm phù hợp với nhu cầu thực tiễn của địa phương; xây dựng, cập nhật, đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở chuẩn đầu ra, có sự tham gia của doanh nghiệp, cơ quan sử dụng lao động. Đa dạng hình thức, phương pháp đào tạo theo hướng mở, linh hoạt, liên thông giữa các trình độ, đẩy mạnh đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun, tín chỉ. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, đào tạo trực tuyến, xây dựng thư viện điện tử, phòng học đa phương tiện, phòng chuyên môn hóa, thiết bị mô phỏng, thiết bị thực tế ảo và các phần mềm mô phỏng thiết bị dạy học...

- Lựa chọn ngành nghề đào tạo phù hợp với nhu cầu, khả năng của người khuyết tật; xây dựng chương trình, tài liệu đào tạo phù hợp với người khuyết tật. Tăng cường phối hợp với doanh nghiệp nhằm tăng cường chất lượng và hiệu quả trong công tác dạy nghề, tạo việc làm cho người khuyết tật. Thường xuyên tổ chức các buổi sinh hoạt ngoại khóa giúp học viên người khuyết tật tăng cường các khả năng trong chuẩn bị nghề nghiệp cũng như trang bị các kỹ năng: tìm việc làm phù hợp, kỹ năng cư xử với đồng nghiệp, với chủ doanh nghiệp...

- Chủ động liên kết với các cơ sở đào tạo, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh trong đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm; triển khai có hiệu quả các chương trình hợp tác với doanh nghiệp trong tiếp nhận và sử dụng lao động sau khi hoàn thành khóa học; hợp tác với các doanh nghiệp trong đào tạo, xây dựng chương trình, đánh giá kỹ năng nghề cho học sinh, sinh viên trong nhà trường nhằm từng bước nâng cao chất lượng đào tạo, đạt chuẩn đầu ra đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các Sở, ban, ngành của tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các cơ quan, đơn vị liên quan nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện

Kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, thì chủ động báo cáo đề xuất gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các Huyện, TX, TP;
- Các cơ sở GDNN;
- Các phân hiệu ĐH trên địa bàn tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.h

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Thanh Lịch